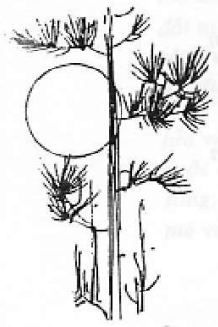


HỒI TƯỞNG

Nguyễn Trần



Đại bàng rũ cánh nhìn sông núi
nghĩ lại đời qua thấy nát lòng,
mộng ước thuở nào thành mây khói
tù đây khắc khoải, nhớ, thương, mong...

Một sáng tháng 4
quân đang còn chiến đấu
tin bỗng loan ra cho ý chí rã rời
còn gì nữa đâu
 một đoạn đời ngang dọc!
nhìn tương lai
 chỉ thấy trắng mù khơi...

Lòng chợt chơi với
thân mình hụt hẫng
thịt da lông lông như rơi vào không gian
tin dữ đưa ra
 “bỏ súng
 rã hàng!”
tin sét đánh làm lòng ta ngã gục

cuộc sống đổi đời
chịu nhiều nhẫn nhục
đất nước quê hương lấm cảnh bể dâu
đấu tranh bao năm
giờ giữ được gì đâu!
một sáng tháng 4
làm cho ta mất hết

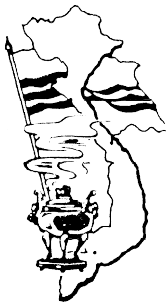
hoài bão ngày xưa với bầu nhiệt huyết
giờ tiêu tan cho mộng ước không thành
ôm hận trong lòng loài quỷ đỏ hôi tanh
gây tang tóc, gây đau thương, ly tán

nhà cửa tan hoang
còn gì để bán
đổi lấy miếng ăn sinh sống qua ngày?
tù đầy bao năm gây lấm cảnh đổi thay!...
cơn ác mộng còn mãi hoài không dứt.

Cuộc sống tha phương
lòng buồn ray rứt
mơ đến ngày nao được trở lại quê hương
thăm mẹ thăm cha
 thăm anh em, phố phường
thăm đất nước đang phục hồi hạnh phúc
 tự do yên vui
 trao nhau lời chúc
đất mẹ quê cha được sạch bóng quân thù
cho quên đi bao năm tháng âm u
sau ngày 30 tháng 4 đầy uất hận



ANH DŨNG BẤT KHUẤT



Để tưởng nhớ anh hùng:

Trần Văn Bé

và Phạm Văn Tư

CSVSQ Khóa 19/TVBQGV

Từ Cao Nguyên

“Em vẫn tự nhủ với lòng, tin tưởng vào một ngày nào đó, một ngày không xa lắm, em và các bạn của Anh, những người anh em của Anh sẽ trở về . . . và sẽ phủ lên mộ Anh lá cờ Tổ Quốc, Màu Vàng Ba Sọc Đỏ, mà Anh đã từng chiến đấu và chết vô cùng Anh Dũng Bất Khuất”

Nguyễn Thị Thọ, Phu Nhân cố CSVSQ Trần Văn Bé K19

Báo Saigon Giải Phóng của bọn CS thành phố Saigon đang tin “Các Sĩ Quan cấp tá nguy quân trình diện đi học tập cải tạo tại Trường Tabert Mang theo 30 ngày tiền ăn và đồ đúng cá nhân.”

Trước đó, anh em hạ sĩ quan trình diện học tập tại địa phương trong năm ngày. Sau giờ học về nhà ăn cơm, đâu có chuyện gì xảy ra. Mọi người “an tâm” mà ra đi. Đi sớm về sớm. Chiến tranh chấm dứt rồi, cùng da vàng máu đỏ, cùng là người Việt Nam cả! Thôi thì lo mà đi học còn về sớm để tìm đất đai kiếm kế sinh nhai nuôi vợ con. Suy nghĩ đơn giản, dễ tin, tưởng ai cũng như mình!

Chuẩn bị cho mình một tư thế đối phó với tình hình mới, trước khi bước chân vào cổng Trường Tabert theo thông cáo của Ủy Ban

Quân Quán Thành Phố, Trần văn Bé ghé về nhà thăm người chị vợ:

“Cả tháng nay, em không có tiền nhưng em không dám xin má. Sáng nay, em mới ra chợ trời bán chiếc đồng hồ đeo tay, em mua ít đồ cần thiết mang theo đi học tập cải tạo, còn lại bao nhiêu em mua bia ghé lại nhà anh chị, nhậu với anh Ba một bữa chót trước khi em đi.”

Theo chị ba kể lại thì suốt ngày hôm đó, anh đứng ngồi không yên, mắt đăm chiêu, buồn bã vô cùng. Cho đến khi ra về để đi trình diện, anh đã cố gắng nói:

“Chị Ba à, sau khi em đi rồi, chị thay em thường xuyên về an ủi vợ em giùm, vì em biết vợ em yếu đuối cả thể xác lẫn tinh thần. Em nhớ vợ con em lắm, nhưng em không dám về, nếu về, thấy vợ con em, thì em sẽ trốn đi đó chị Ba ạ”

Chiều ngày Chủ Nhật, 15/6/1975, anh và bạn bè của anh đã bước vào cổng Trường Tabert, trước Vương Cung Thánh Đường. Anh quay lại nhìn lên khuôn mặt hiền hậu của Đức Mẹ Maria đang ẵm Cháu Hài Đồng một lần cuối. Bức tượng đứng đó, đã bao lần anh đi qua, mà có bao giờ anh nhìn một cách kỹ lưỡng như lần này. Anh nhớ tới vợ và sáu đứa con nhỏ của anh cũng đang đứng chờ vợ . . . đợi chờ.

Chúng tôi được đưa vào trong các lớp học, ai nấy băn khoăn lo lắng, không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Không ai bảo ai, mọi người cũng tự động kê lại bàn ghế, treo mùng màn chuẩn bị ngã lưng. Khoảng 11- 12 giờ khuya, thì tất cả chúng tôi bị lừa lên xe Molotova có mui vải bịt bùng kín mít. Những khẩu AK chĩa thẳng vào đám đông và sẵn sàng nhắm đạn bất cứ lúc nào.

Ngày thứ nhất Tù Cải Tạo:

Người Tù Không Bản Án

Người thì được đưa ra Long Giao, căn cứ của Sư Đoàn 18BB, người thì được đưa về Thành Ông Năm, Hốc Môn,

người thì đi Tràng Bàn . . . Tại đây bọn CS bắt đầu lên lớp với mười bài học. Sau mỗi bài thì có thảo luận kiểm điểm và khai báo lý lịch của bản thân mình. “Khai thật, khai hết” là trọng tâm của các bài học đầu tiên. Mỗi người phải tự khai lý lịch bản thân từ lúc còn nhỏ ở với cha mẹ, đi học, đi làm, đi lính . . . và cứ hết tờ giấy này đến tờ giấy khác, bao nhiêu “tội ác đánh phá cách mạng và nhân dân” đều tuôn ra trên giấy trắng mực đen. Khai xong lại được lên lớp:

“Các anh chuta thành khẩn, tội lỗi tà y trời mà vẫn còn dấu diếm. Các anh bảo các anh không có tội, tôi nói cho các anh biết ông Phật trong chùa cũng có tội. . .”.

Khai lại lần thứ hai:

“Cách mạng biết hết, hồ sơ lý lịch của các anh chúng tôi nắm trong tay”.

Lại khai lần thứ ba . . . và chúng nắm lấy những lời khai này để xếp loại “Sĩ Quan Ngụy”.

Sau này, thì chúng tôi mới biết là mỗi “liều thuốc trị bệnh Sĩ Quan Ngụy là 3 năm” hay là một mốc thời gian được tính là 3 năm. Nói chung cấp úy phải uống một đến hai thuốc (3- 6 năm) và cấp tá từ ba liều đến 4 liều thuốc (9 – 12 năm) . . . Ngoài ra nếu có dính đến hai chữ “an ninh”, hoặc “chiến tranh chính trị” hoặc “tuyên úy” thì lại được tăng thêm vài liều nữa vì tội xúi dục thuộc cấp đánh phá cách mạng hay cho con chiên uống ma túy tôn giáo mê tín dị đoan.

Sau khi hoàn tất mười bài học và trước Tết Bính Thân năm 1976, các Sĩ Quan cấp tá được chuyển về Suối Máu, Biên Hòa. Đây là trại giam tù phiến cộng của chúng ta trước năm 1975. Trại giam ở gần khu Lò Than, nằm bên phải con đường từ thành phố Biên Hòa ra Xa Lộ. Trại có năm khu. Ba khu dọc theo đường lộ và hai khu tiếp giáp ở phía trong. Sau lưng trại là con đường xe lửa. Từ hướng Biên Hòa ra xa lộ, đầu tiên là Trạm Xá, kế đến là K3, K2, và K1. Mỗi K hay Khối có khoảng 12 lán (hay là A). Lán là một căn nhà dài

khoảng 50 – 60 mét chiều dài, rộng khoảng 7 mét, nền nhà bằng đất, hai bên có hai nền bằng xi măng cao độ 5 tấc chạy dài theo chiều dọc của nhà, rộng hai mét, dùng làm “giường nằm”, ở giữa là lối đi. Dãy nhà này là nhà tiền chế, lợp tôn và chung quang nhà cũng được che bằng tôn. Dưới mái nhà và dọc theo các xà ngang xà dọc bằng sắt có hàng trăm cái lon sữa bò, lon cô ca cô la treo tòng teng đã có sẵn từ lúc nào, dùng để hứng nước mưa, từ các lỗ đột trên mái tôn chảy xuống.

Mỗi lán chứa khoảng 100 người. Mỗi người có một “giang san” rộng sáu tấc và dài hai mét.

Trần văn Bé và Phạm văn Tư cùng ở lán A10, chung với Chế Văn Thức K19. Khóa 19 lúc bấy giờ có Cam Phú, Trần Xuân Bằng, Đặng Ngọc Thạch và tôi cùng chung một lán A12. Riêng Trần Xuân Bằng, Cam Phú, Nguyễn Khoa Hải K17 cùng chung một tổ với nhau ngay từ những ngày đầu tại Long Giao. Đoàn anh thì có Lê Hữu Khái K15, đàn em như Nguyễn Bích, Nguyễn văn Điệp, Nguyễn văn Ngọc K20 . . . cùng chung lán A12, là lán ở ngoài cùng, sát với sân tập họp.

Khóa 19 thuộc K3 này thì còn có các bạn Phan công Bá, Trần Đại Tùng, La hoàn Võ, Nguyễn văn Hóa (đen), Tống Tấn Võ, Chế văn Thức, Cao minh Vân, Huỳnh ngọc Ẩn, Nguyễn văn Tâm, Trần Khắc Am, Lê gia Thanh, Nguyễn văn Quý (già), Nguyễn vĩnh Can, Trần văn Hợp, Phạm Trần Công Diệu . . .

Bao bọc khối 3 này có 8 hàng rào kẽm gai vây quanh, kẽm gai thẳng, bụi nhùi và concertina lẫn lộn và các bụi gai đã mọc um tùm len lỏi chằng chịt trong giây kẽm gai. Trước mặt khối có một con đường đất xe hơi có thể chạy được. Đối diện với khối là Ban Chỉ Huy Trại cũng nằm bên trong hàng rào kẽm gai sát mặt đường lộ chính bên ngoài. Nhưng hàng rào kẽm gai ở đây chỉ giăng thẳng và chéo góc và thấp chống đặc công mà không có concertina và bụi nhùi lẫn lộn.

Thường thường vào buổi chiều, sau giờ cơm, chúng tôi

hay cùng nhau ngồi tán gẫu, vì lúc này chưa đi lao động. Buổi tối thì ngồi xem ti vi tại sân tập họp ngay trước lán A12. Hằng ngày, chúng tôi đi quanh quần trong khu của mình để gặp bạn bè, hoặc chép các bài học Anh Ngữ, Pháp Ngữ, Hoa Ngữ để học thêm; hoặc ghi chép cách thức làm các món nhậu; hoặc chép cách an bài và giải đoán lá số tử vi, học bấm độn, xem chỉ tay. Tôi còn nhớ thầy Phạm Kế Viêm, giáo sư dạy toán trên TVBQGVN, xem chỉ tay cho anh em. Ông ta xem nhiều người và ông ta lấy làm lạ là tại sao hậu vận của anh em mình rất sáng sủa, nhà cao cửa rộng, công danh sự nghiệp gấp năm gấp mười. Tôi và Trần Gia Bảo K20 cũng kéo nhau tới xin thầy xem “một quẻ”. Nghe giải đoán xong, trong lòng thơ thới. Tuy bán tín, bán nghi, nhưng đó cũng là niềm tin mãnh liệt trong suốt thời gian cải tạo. Lúc nào cũng tin rằng sẽ có ngày nào đó được hút một điếu Pallmall, cái tên rất quen thuộc “phải anh là lính mời anh lên lầu”, ngậm một ly cà phê đen, uống một lon bia Hamm ngậm lạnh.

Trong khu này có ba người tình nguyện đi làm cho Ban Chỉ Huy Trại là anh Bé, Tư và một người nữa, không nhớ tên, chuyên đi sửa điện và các máy móc. Bé và Tư làm mộc, đóng bàn ghế kiêm luôn thợ gò đồ nhôm, tôn. Bọn cán bộ giao cho hai bạn Bé và Tư những tấm nhôm hoặc tôn thu vét được, để hai anh dùng “nhất dương chỉ” chế tạo thức “đa hiệu” biến những miếng kim loại phế thải của chiến tranh thành những dụng cụ gia dụng, như thùng đựng nước, gàu múc nước, chén bát, muỗng, đĩa v.v.v. . .

Sáng sáng hai anh bước ra cổng của K3 báo cáo với tên vệ binh gác trên chòi canh. Lối ra vào ngoằn ngoèo chữ chi dọc theo chiều ngang của hàng rào kẽm gai chằng chịt, bên cạnh là cái chòi canh cao cả chục thước. Tên lính canh lúc nào cũng chăm chăm nhìn vào trong trại. Khẩu đại liên đạn đã lên nòng, mũi súng chĩa vào trại và hướng theo con mắt quan sát của tên lính canh, sẵn sàng nhả đạn bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm.

Chiều Chủ Nhật ngày 29 tháng 2 năm 1976. Xuân đã về với Miền Nam, trời bắt đầu nắng ấm, mát mẻ. Anh em K19 khoảng mười người, cùng ngồi với nhau trước lán A11 (sát nhà bếp) và nằm bên phải của lán A12, từ ngoài nhìn vào, hàn huyên tâm sự. Câu chuyện nóng bỏng nhất lúc bấy giờ vẫn là chuyện thời sự. Những tin tức không biết thu lượm từ đâu, đồn đại từ người này qua người khác, nào là Mỹ chuẩn bị đổ bộ lên Vũng Tàu, nào là các lực lượng VNCH còn chiến đấu trong Rừng Sát. Ai nấy đều “hồ hởi phấn khởi” cộng thêm những lời “tiên tri” của thầy Viêm, lại như được “cởi mở tấm lòng”. Anh Tư bận áo thun đỏ, hiền lành, ít nói, môi dưới của anh lúc nào cũng trề ra, giọng nói chậm rãi, đứt quãng y như cà lăm. Tư và Bé là hai người ở cùng lều, dãy nhà A (Đại Đội A & B) thời SVSQ, anh ngồi bên cạnh Bé. Vì hai anh là thợ mộc nên có cơ hội tự đóng cho mình một cái ghế xếp ngồi dựa ngửa ra thoải mái, anh em còn lại, đa số lấy thùng đạn đại liên làm ghế ngồi. Những thùng đạn này, chúng tôi mang từ Long Giao lên, dùng nấu khoai sắn “cải thiện” khi còn ở Long Giao, bây giờ dùng để đựng đường thẻ, bảo đảm kiến không chui vào được và dùng làm ghế ngồi xem tivi hay ngồi tập họp giữa sân. Bé cởi trần, mang quần xà lỏn. Trên cổ anh còn đeo sợi dây chuyền vàng 18 có một tượng Phật bằng ngà. Anh vui vẻ, tươi cười hồn nhiên y như thời còn SVSQ, da dẻ hồng hào, hai má anh vừa hồng, vừa mịn y như da con gái mới lớn. Hai mắt trong sáng, đặc biệt hai tai to và dài. Anh ngồi trên ghế xếp, hơi ngửa người ra sau, chiếc tượng Phật thông xuống ngực, cái bụng tròn vo, trông vừa khỏe mạnh, vừa y như Ông Địa. Tôi buột miệng nói “Ê Bé, tai mày to, dài thông như tai Phật, mặt hồng hào, bụng to như Ông Địa, số mày sống thọ trên trăm tuổi nghe mày”.

Sinh hoạt hàng ngày vẫn tiếp diễn:

*Anh ở đây, bạn bè anh cũng ở đây
Áo rách xác xơ vai gầy
Cùng chung kiếp sống lưu đày
Anh ở đây ngày ngày cơm chưa đầy chén*

*Ngôi buồn trông ra đàn én
Kiếm môi thấp thoáng lượn bay.
Toa liền toa tàu đi trong chuyến hoàng hôn
Tiếp nối với âm thanh buồn
Hàng cây ngơ ngác bên đường.
Trắng mờ soi lạnh lòng, giăng khắp mờ lối
Cuộc đời đi trong ngõ tối
Chỉ còn một thoáng hư vô
Tình yêu em vẫn đọng đầy trong khóe mắt
Chiều Long Giao đời cao heo hút gió
Đôi vai gầy nhạt nhòa vương chân mây
Anh ở đây bạn bè anh cũng ở đây
Với giếng nước sâu bên cầu
Nhìn trăng, trăng vương giây gâu
Anh ở đây ngày ngày vây quanh rào sắt
Nhìn vào không gian mờ tối
Mỗi mồn một kiếp hư không!
(thơ Thục Vũ, nhạc Vũ Đức Nghiêm)*

Ghi chú: bài này do bạn Nguyễn văn Diệp K19 ghi lại theo trí nhớ, nên thể nào cũng có phần thiếu sót. Quý vị nào còn nhớ, xin vui lòng bổ túc. Xin thành thật cảm ơn)

Khoảng mười giờ sáng đã nghe nhà bếp hô to “lãnh cơm”, rồi 4 giờ chiều lại lãnh cơm chiều. Trưởng bếp lúc bấy giờ là T/T Cải và bạn Chế văn Thức là một trong các “trưởng chảo” của nhà bếp.

Những tên lính bộ đội súng cầm tay đi quanh các lán, anh em vẫn nhìn chúng nó với con mắt khinh bỉ và thản nhiên. Tụm năm tụm bảy bàn luận tin tức hoặc đánh volley như NT Độ K10 không ngày nào là không có mặt tại sân banh; hoặc làm một cái gì đó cho qua ngày giờ, như NT Khái K15, ngồi mài một thanh sắt nhỏ thành một cái kim may, người thì đổ nhôm làm nỏ điếu thuốc lào, người thì gò thùng; người thì chép bài học Anh, Pháp. Tàu

Vào buổi trưa ngày 5 tháng 3 năm 1976, lúc 11 giờ 30

phút, sau khi cơm nước xong, đa số anh em nằm nghỉ trưa, bỗng tiếng súng đại liên từ trên chòi canh nơi cổng ra vào của Khối K 3 chúng tôi, nổ giòn giã và liên tục. Mũi đại liên quay ra đường, nhả hết tràng đạn này đến tràng đạn khác. Mấy tên lính đang tuần tiểu trong khu lên đạn chia thẳng vào những người còn đi lại ngoài lảng. Tôi vội chạy đến nhà bếp và leo bệ cao của lò nấu cơm và nhìn ra ngoài, nơi mà những làn đạn đại liên đang xĩa xối xuống. Chỉ thấy bóng dáng của một người mang áo đỏ đang nằm kẹt dưới hàng rào kẽm gai. Bụi tung mù. Bọn lính vệ binh chạy ủa ra đường, thẳng thì súng, thẳng thì gậy gộc, chúng thi nhau nhả đạn, nhắm vào cái thân xác đang quần quại trên vũng máu. Máu phọt từ hàng rào kẽm gai chảy ra đường. Chúng xúm nhau lại chỉ chỗ, la lối om sòm. Nhưng không có tên nào dám chui vào kẽm gai để lôi người tù cải tạo đã ngã gục ra khỏi hàng rào, vì chúng sợ mình còn chôn dọc theo hàng rào bao quanh trại. Chúng cho người vào lảng A10 lấy bốn người ra, chun vào kẽm gai để đưa người bạn của mình ra khỏi hàng rào. Bọn vệ binh lại nhẩy xổ vào, định dùng gậy gộc và báng súng đánh đập, thì tên Thiếu Úy Hải, trưởng trại K 3, rẽ đám đông tiến vào, rút K54 ra khỏi vỏ, lên đạn, bắn vào hai cánh tay và hai chân. Máu chảy lai láng. Anh bất tỉnh. Chúng ra lệnh khiêng anh về trạm xá, nhưng không phải để cứu chữa mà liệng vào nhà xác. Nói là một cái nhà xác, nhưng thực ra là một mái tôn khỏang 4 x 6 mét, nền đất, nằm ngay sau lớp hàng rào kẽm gai thứ nhất, nghĩa là muốn vào nhà xác phải đi qua một cái cổng của hàng rào kẽm gai này.

Sở dĩ tôi biết rõ ràng, vì tôi cũng đang có ý định vượt những hàng rào để trốn thoát. Tôi đã tìm mọi cách để được đi nằm trạm xá với mục đích thăm dò địa hình địa vật. Nhờ nướu răng bị sưng và tôi được đưa qua trạm xá theo ý nguyện vào mùa Noel năm 1976. Đến trạm xá, tôi gặp được Đại tá Nguyễn văn Đông, tác giả bài hát “Đêm Đông” và Đại Tá Phạm văn Sơn tác giả bộ Quân Sử rất có giá trị. Đại tá Sơn bị ghẻ lở đầy đầu và người. Ông ta nằm riêng rẽ một mình trên một tấm ván

ở góc phòng.

Tại đây ngày ngày tôi đi bộ dạo chơi và quan sát và đã đếm được hàng rào bao quanh khu trại có từ tám đến mười lớp. Trạm xá bao quanh bởi một hàng rào kẽm gai cao khoảng 4 mét, trên cùng là concertina. Ngoài hàng rào là con đường đất, xe jeep có thể chạy được và thường xuyên có lính tuần tiểu ngày cũng như đêm, cứ khoảng nửa tiếng đồng hồ thì chúng đi qua một lần. Tiếp đó là tám hàng rào kẽm gai, cây gai mâm xôi mọc chằng chịt, khó mà chui lọt, đó là chưa kể mìn bẫy. Ngoài cùng tiếp giáp với đường xe lửa, có những đơn vị bộ đội phòng không che kín dưới các lưới ngụy trang.

Chỉ hơn tiếng đồng hồ sau, thì chúng tôi được biết chính xác là anh Bé và Tư vượt hàng rào trốn trại. Hai anh đã có ý định từ lâu và đã nhìn thấy con đường trốn thoát qua mười lớp kẽm gai phía sau trại hay qua ngã trạm xá không thể thực hiện được, vì ngoài chướng ngại vật là kẽm gai còn có mìn bẫy đã chôn theo hàng rào này nữa. Đó là lý do tại sao hai anh đã bàn tính với nhau tự nguyện làm thợ mộc, thợ gò cho Ban Chỉ Huy trại. Trước mặt trại là con đường lộ chính, chỉ cần bò ra khỏi mấy lớp hàng rào là đón xe lam đang chạy thường xuyên trên trục lộ Biên Hòa - Hồ Nai - Xa lộ là có thể trốn thoát được. Hai anh đã lợi dụng giờ nghỉ trưa để thực hiện kế hoạch trốn trại.

Trong bản “*Án Hình số 02/HS 1*” của Quân Khu 7, Đoàn Bộ – Đoàn 775, có ghi như sau:

“Tóa án quân sự Quân Khu 7 đã họp nhận định sự việc phạm pháp xảy ra như sau: TRẦN VĂN BÉ 12 năm làm tay sai cho Mỹ Ngụy là tên tay sai ác ôn có nhiều nợ máu với Cách Mạng, được chủ Mỹ và bọn Thiệu tin cậy cho đi học nhiều lớp ở trong và ngoài nước về thủ đoạn tình báo và quân báo đánh phá Cách Mạng.

Sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, với chính sách nhân đạo và khoan hồng của chính quyền Cách Mạng, cho y

đi học tập cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Nhưng Bé đã chống lại sự giáo dục của Cách Mạng, hồi 11 giờ 30 ngày 5/3/76, Bé đã lợi dụng giờ nghỉ trưa để thực hiện ý đồ phạm tội. Trước khi đi, Bé đã chuẩn bị 60 đồng tiền ngân hàng, chuẩn bị quần áo, quan sát đường hướng và rử tên PHẠM VĂN TƯ nguyên là Thiếu Tá cùng đi.

Khi đã chui rào trốn ra tới Quốc Lộ 1, Bé thuê xe lam chạy đến khu vực áp Bắc Hải, đến đây nghe tiếng súng nổ ở phía sau, Bé liền xuống xe chạy vào nghĩa địa lẩn trốn. 18 giờ ngày 5/3/76 y chạy tới xã Tam Hiệp-Biên Hòa trà trộn trong nhân dân, với ý thức cảnh giác cách mạng và đã có sự bố trí từ trước, nhân dân và chính quyền địa phương đã bắt Bé với toàn bộ tang vật chứng trong người.”

Anh Bé vượt được khỏi hàng rào, nhưng anh Phạm văn Tư đã không may, bị quần áo mắc vào kềm gai và đã bị phát giác, một phần vì cái áo màu đỏ của anh. Theo một số anh em của chúng ta phục vụ tại trạm xá cho biết, khi khiêng anh Tư vào trạm xá, anh Tư vẫn còn thoi thóp, chưa tắt thở, bọn CS không cho anh em của chúng ta bằng bó. Chúng liệng xác anh Tư vào cái nhà xác bên ngoài hàng rào kềm gai và khóa cổng lại. Chúng tuần tiểu canh gác chặt chẽ suốt đêm. Sáng hôm sau, bọn chúng bảo anh em của chúng ta ra xem anh Tư sống chết ra sao. Kiến lửa bò đầy lên thân xác của anh, khoét sâu thêm những vết thương đau đớn. Anh đã ra đi trên nền đất lạnh lẽo và cô đơn.

Ngày thứ 264 tù cải tạo
Vĩnh biệt! Vĩnh biệt!
Phạm Văn Tư

Máu anh đổ xuống, thịt da anh nát tan. Mắc kẹt dưới hàng rào kềm gai, không vùng vẫy, không kháng cự, trong tay không một tắc sắt bảo vệ, thế mà chúng vẫn xả súng lên anh, đánh đập dập nát thân thể anh, máu thịt tung tóe, chúng muốn cấu xé xác anh thành trăm mảnh, y như những con thú

dữ dã man trong rừng xanh. Mĩa mai thay, trong khi đó, hôm chúng vẫn hô hào nào là “nhân đạo”, nào là “khoan hồng”, nào là “giáo dục”, nào là “cách mạng” v.v...

Hôm nay ngày 5/3/2002, sau đúng 26 năm, ngồi viết lại những dòng chữ này mà lòng vẫn còn thổn thức, quặn đau, vẫn thấy rõ những viên đạn đại liên xoáy sâu vào tim gan của anh. Mỗi viên đạn ghim vào thân xác anh, là mỗi lần trái tim của anh em chúng tôi nhói buốt. Máu anh đổ để vun xới mảnh đất Tự Do. Xác thịt anh rã tan trong lòng đất để nuôi dưỡng ý chí bất khuất và tình yêu thương đoàn kết. Xin thấp một nén hương lòng, nhân ngày giỗ thứ 26, dâng lên hương hồn của anh, lòng cảm phục, kính yêu và triu mến của một người cùng Trường Mẹ, cùng một Thầy và cùng một Đại Đội A SVSQ với anh.

Sau vụ trốn trại này, bọn cộng sản gia tăng tuần tiễu, chúng đi hai người một toán, không đi lẻ tẻ như trước nữa và có nhiều toán túc trực thay phiên nhau. Cứ mỗi lần “lên lớp” là thêm một lần hăm dọa, lại to mồm rêu rao “cách mạng, khoan hồng, nhân đạo, học tập tốt, cải tạo tốt, lao động tốt”.

Một hôm, bọn chúng cho khiêng một cái conex để ngay trên lối ra vào cổng trại, ngay tầm quan sát của tên lính gác trên chòi canh với khẩu đại liên. Bọn chúng dẫn anh Bé vào và nhốt vào conex rồi khóa chặt cửa. Hằng ngày đến bữa ăn, anh em trong nhà bếp mang cơm đến dưới sự quan sát của một tên vệ binh. Thức ăn được đưa qua lỗ thông hơi nhỏ.

Chúng tôi thường thăm hỏi các anh em nhà bếp về sức khỏe của Bé. Trời vào hè, nhiệt độ mỗi ngày một lên cao, sức nóng càng tăng. Trong conex bằng sắt ngọt ngạt, kín mít lại càng nóng dữ dội, nhưng các anh nhà bếp cho biết tinh thần của Bé rất vững, tuy đã gầy và xanh xao, nhưng ánh mắt vẫn rất trong sáng và bất khuất. Giọng nói vẫn còn tốt không có triệu chứng gì bệnh hoạn hay thất vọng. Thỉnh thoảng chúng tôi nghe tin anh em nhà bếp lén lút hối lộ tên vệ binh kiểm soát bằng một điếu thuốc thơm để tăng gia “khẩu phần” ăn

cho anh, như chén cơm được ém chặt xuống, nhét thuốc và vitamine phía dưới và thêm nhiều nước uống hơn. Anh em chúng tôi xem anh như một Papillon thứ hai với sức mạnh ý chí tuyệt vời, kiên nhẫn, chịu đựng và bất khuất. Anh cũng là hình ảnh anh dũng của vị Đại tá chỉ huy tù binh xây dựng cầu sông Kwai khi bị nhốt trong conex của bọn phát xít Nhật.

Mùa Phục Sinh năm 1976, không những các con chiên của tín đồ Công Giáo, mà còn nhiều anh em khác cũng đang hưởng về một sự Phục Sinh, một sức sống mới, một niềm tin tưởng mới. Trong khu K3 này có trên mười vị Linh Mục, trong đó có linh mục Minh là người hoạt động rao giảng Phúc Âm và truyền đạo rất tích cực. Vị linh mục này đã tổ chức nhiều toán nhỏ 3 người một, để dạy giáo lý hay tĩnh tâm chuẩn bị Phục Sinh. Ngài rao giảng về Thánh Linh và những ơn phước. Chính NT Nguyễn Khoa Hải K17 cùng tổ với tôi tại Long Giao đã được vị Linh Mục này rửa tội bên những luống khoai sát hàng rào kẽm gai, với sự tham dự của một vài anh em Công Giáo, trong đó có bạn Nguyễn anh Tôn K19. Khi chuyển về Suối Máu, hoạt động của cha Minh càng ngày càng bành trướng mạnh nhờ sự hợp tác với các vị linh mục khác, nên bị bọn CS theo dõi rất gắt gao. Linh Mục Minh đã nhiều lần bị chúng lên lớp hăm dọa. Nhưng những lời hăm dọa này đã không làm nao núng ý chí cương quyết của vị Linh Mục đáng kính đáng mến này.

Sáng sớm ngày 10 tháng 4 năm 1976, một toán vệ binh, trang bị súng ống đạn dược đi vào trại mở conex và dẫn anh Bé đi. Chúng tôi bàng hoàng lo lắng và linh cảm chuyện gì sẽ xảy ra cho anh. Hôm qua có tin chúng đã chở về hai cỗ quan tài. Theo anh Nguyễn Văn Diệp K19, lúc đó là Khối trưởng khối K4, thì chiều ngày mùng 9, khối của anh được lệnh cung cấp 4 người đi làm lao động. Khi trở về, họ đã thông báo cho anh em biết là bọn cai tù CS đã bắt bốn người này đào hai cái huyệt bên cạnh hai quan tài đã có sẵn.

Sau đó có nhiều toán vệ binh vào trại và ra lệnh cho tất cả các anh Khối trưởng, láng trưởng tập trung theo chúng đi ra

ngoài. Một toán vệ binh khác đi lùng kiếm cha Minh, nhưng cha đã len lỏi trốn thoát, hề thấy chúng nó đến lảng này thì anh em báo động cho cha chạy trốn qua lảng khác. Bọn CS muốn bắt cha Minh đi tham dự phiên tòa hành quyết để răn đe vị Linh Mục này.

Các anh khối trưởng, lảng trưởng gồm các cấp bậc đại tá, trung tá và thiếu tá Sĩ Quan QLVNCH, được hướng dẫn qua Khối K1, đến khu giảng đường. Đây là Niệm Phậ đường trước nam 1975, bọn CS đã đập phá tất cả tượng Phậ, hủy bỏ tất cả những dấu vết của một nơi thờ cúng tôn nghiêm để biến thành một tòa án. Tại đây đã kê sẵn những chiếc bàn dài. Bàn chính giữa có một cái bảng ghi:

“Tòa Án Quân Sự Quân Khu 7”

8 giờ 25 phút

Tên trung tá Nguyễn văn Bản bước ra ngồi vào bàn chính giữa, mặt mày hờ hững kệnh kiệu. Trên mặt hấn là một cái sẹo chạy dài trên gò má. Hấn đã từng bị giam giữ trong trại tù phiến cộng này. Hôm nay hấn trở lại với cương vị của một kẻ chiến thắng và là cơ hội cho hấn trút hết tất cả hận thù chiến tranh lên đầu của những người tù tập trung cải tạo.

Trần văn Bé, hai tay bị còng ra sau lưng, được bọn vệ binh dẫn ra. Anh rảo mắt nhìn tất cả anh em đồng đội đang ngồi dưới đất trước mặt bọn quan tòa. Mọi người hướng về anh.

Anh mỉm cười và qua ánh mắt anh, anh đã biểu lộ được lời chào hỏi đến mọi người.

Khi đến trước mặt tên chánh án, bọn vệ binh tháo còng. Tên chánh án cố tạo cái dáng dấp cử chỉ của một kẻ đầy nhân đạo “khoan hồng, tha thứ theo chính sách của cách mạng” với giọng nói vừa nhẹ nhàng nhưng vừa hăm dọa, vừa xoa dịu:

“Anh có điều gì cứ trình bày, khai thật, khai hết, để Đảng

và Nhà Nước sẽ xét xử khoan hồng tha cho anh trở về với vợ con anh.”

Chiều hôm qua bọn vệ binh mở conex, dẫn Bé ra Ban Chỉ Huy trại, cắt tóc, cho anh tắm rửa và cho anh một bát cơm chiều.

Tên thiếu úy Hải, trưởng khối K 3, gầy ốm, hai mắt sâu, hai má hóp, làm nổi bật hai gò má nhô cao, nước da ngăm đen, đầy vẻ nham hiểm, đã nói với anh cũng cái giọng đầy nhân nghĩa, vỗ về, dặn dò:

“Nếu anh nhận hết tội lỗi thì anh sẽ được Cách Mạng khoan hồng tha về với vợ con anh.”

Nhưng Bé thừa biết, chúng dối như “vẹt”, lật lọng và lừa đảo, nên vẫn cương quyết đồng dạc và chậm rãi trả lời thẳng cho tên chánh án:

“Tôi trốn trại vì thương vợ nhớ con. Tôi trốn trại vì quý ông nói với chúng tôi đi học tập cải tạo 30 ngày, nhưng cho đến hôm nay đã 300 ngày trôi qua. Các ông đã lừa dối chúng tôi và gia đình vợ con chúng tôi”.

Tên chánh án gõ một tiếng cộp khô khan xuống bàn để chặn lời nói của Bé.

Đúng 8 giờ 30 phút sáng

Từ hai cái loa trong các trại tù, vang lên giọng nói trợ trợ Nghệ Tĩnh thông báo:

“Tòa Án Quân Sự Quân Khu 7 mở phiên tòa công khai ngày 10 tháng 4 năm 1976 tại Đoàn Bộ – Đoàn 775 – Quân Khu 7 để xét xử chung thẩm vụ:

“Trần văn Bé, Thiếu Tá, Sĩ Quan trong chế độ cũ.

Can tội trốn trại cải tạo nhằm mục đích phản Cách Mạng.

Theo Quyết Định Truy Tố số 02QĐ ngày 5 tháng 4 năm 1976 của Viện Kiểm Soát Quân Sự Quân Khu 7”

Anh em chúng tôi, trong các khối, người ngồi, kẻ đứng, tùm năm tùm bảy, lắng nghe và theo dõi. Cái giọng nặng nề khó nghe lại vang lên:

“Hội Đồng xét xử gồm có:

Chủ Tòa phiên tòa: Nguyễn văn Bản, Trung tá Trung đoàn trưởng, Đoàn 775.

Hai thẩm phán quân sự:

Nguyễn từ Mùi, Thượng úy Cán Bộ Phòng Quản Huấn QK 7

Hà minh Thuyết, Thượng úy Cán Bộ Phòng Quân Pháp QK 7

Đại Diện Viện Kiểm Soát Quân Sự QK 7: Đại úy Lê văn Giác.

Thư ký phiên tòa: Trung úy Nguyễn văn Thành, Quân Pháp QK 7

*Bị cáo có mặt tại phiên tòa: **Trần văn Bé***

Sinh năm 1940

Sinh quán: xã Long An, châu thành Mỹ Tho

Trú quán: 260/18 đường Bùi Viện, Saigon 2

Thành phần gia đình: trung nông

Bản thân: Học sinh

Dân Tộc: Kinh

Tôn giáo: Lương

Văn Hóa: Đại Học Y Khoa

Vào lính: ngày 24 tháng 11 năm 1962

SVSQ Khóa 19 TVBQGVN

Nguyên là Thiếu tá Xử Lý Thường Vụ Trưởng Phòng 2,

tiểu khu Định Tường, Mỹ Tho

Cha: Trần Văn Ngôn (chết)

Mẹ: Võ thị Ngọt (nội trợ)

Vợ: Nguyễn thị Thọ, 31 tuổi, nội trợ, cư ngụ ở Mỹ Tho (có 6 con nhỏ)

Tên của vợ anh vừa được tên thẩm phán nhắc đến, sáu người con nhỏ cũng vừa được nói tới đã đưa Bé nhớ đến những ngày mộng mơ thuở ban đầu:

“Vâng, Nguyễn thị Thọ, cô bé học sinh 15 tuổi ở Mỹ Tho, là người yêu bé bỏng của tôi, có mái tóc óng mượt như những tàu lá dừa dưới nắng mai.”

Anh nhìn Thọ và mỉm cười, mặc cho tên chánh án kinh ngạc nhìn anh một cách rất tức tối, không hiểu sao Bé lại cười tươi tắn và hồn nhiên.

“Thọ đang cười với anh mà”.

Anh miên man chìm vào quá khứ. Mỗi lần từ Saigon về thăm Thọ, anh thường vuốt tóc Thọ và hỏi:

“Cô nhân tình bé bỏng của tôi ơi, mỗi ngày nào mà nay đã biết yêu rồi”.

Anh nhớ rõ Thọ thẹn thùng, mặt đỏ gay, lườm anh mà không trả lời. Rồi khi anh ra trường, thuyền chuyển về Vùng Cao Nguyên đất đỏ, gió lạnh, mưa mùa, thỉnh thoảng anh về thăm vợ. Mỗi lần về, anh và Thọ thường hay ra các gốc cây mận, ổi, xoài đùa giỡn quên cả ngày giờ. Anh hái cho Thọ một trái mận chín óng đỏ và hỏi:

“Trái gì hả em?”

“Trái mận anh ạ”

“Không, đây là trái ngọt của tình yêu”

Rồi anh nói tiếp với người vợ son trẻ:

“Chúng ta sẽ có nhiều con, một sẽ là sĩ quan bộ binh, một không quân và một hải quân. Còn ba đứa, một sẽ là bác sỹ để cứu nhân độ thế, một là luật sư để bênh vực cho người dân vô tội, thấp cổ bé miêng, còn một đứa cuối cùng sẽ là giáo sư truyền bá cho mọi người quyền làm người, biết tôn trọng nhân phẩm của người khác, ý thức được thế nào là Tự Do, thế nào là Cộng Sản.”

Mấy tháng trước đây, anh đã viết cho vợ con anh:

“Anh thương nhớ mẹ con em nhiều lắm. Anh biết em làm lụng cực khổ vô cùng để nuôi con, nhưng anh biết làm sao hơn. Anh làm sao chia sẻ cùng em nỗi cơ cực đó được hả Thọ. Ráng cố gắng thương yêu chăm sóc nhiều vì chúng đã thiếu mất người cha”.

Trong phần tái bút anh phân trần:

“Trại chỉ cho anh một phần tư tờ giấy, anh không thể viết những gì mà lòng anh đang yêu mến vợ con của anh. Anh phải viết cả hai mặt giấy và viết chữ thật nhỏ, em ráng đọc nghe em.”

Tên thẩm phán Thượng Úy Nguyễn từ Mùi vẫn tiếp tục đọc cáo trạng và cố gằng từng chữ một:

“Trần văn Bé, xuất thân Khoá 19, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, là lò đào tạo những tên sĩ quan cực kỳ ác ôn côn đồ dưng cảm đây mưu lược chuyên đánh phá Cách mạng và Nhân dân.”

đã đưa Bé về với thực tại. Anh nghe rõ chúng nói đến Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, và đọc lại bản lý lịch của anh, ghi rõ từ ngày ra trường 28 tháng 11 năm 1964, với cấp bậc Thiếu Úy, Đại Đội phó đại đội thám kích 404, SĐ22 BB; Quan sát viên phi cơ, Trưởng ban 2 Trung Đoàn 7, Biệt đội trưởng Quân Báo, Trưởng phòng 2 SĐ/BB, rồi Quân Đoàn III, cho đến chức vụ cuối cùng tại Tiểu Khu Định Tường. Mặt anh rạng rỡ, hai gò má anh ửng đỏ, mắt anh nhìn thẳng vào bọn thẩm phán. Tự hào về lý lịch của anh, tự hào là một sĩ

quan xuất thân từ một quân trưởng lớn nhất Đông Nam Á.

Hai bàn tay anh nắm chặt, ngực anh ưỡn thẳng, mắt sáng rực, đầy cương nghị, nhìn thẳng vào mặt kẻ thù đang tìm mọi cách để buộc tội anh.

Nhìn cái vẻ đầy kiêu hùng của anh, tên Mùi bỗng khựng lại, luýnh quýnh làm rơi tờ giấy. Tên thẩm phán thứ hai là thượng úy Hà minh Thuyết cúi xuống lượm tờ giấy lên và lớn tiếng đọc tiếp:

“Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi phạm tội của Bé là có ý đồ, có chuẩn bị và quyết tâm thực hiện, là hành vi ngoan cố chống đối lại sự giáo dục cải tạo của cách mạng. Bé đã 12 năm làm sĩ quan trong quân đội ngụy, được Mỹ Thiệu giao nhiều chức vụ quan trọng trong công tác tình báo và quân báo, y đã gây nhiều tội ác đối với nhân dân, đối với cách mạng, đã được địch thưởng 15 lần (trong đó có 5 anh dũng bội tinh). Khi học tập cải tạo Bé không chịu sự tiếp thu giáo dục của Cách Mạng, tìm mọi cách để trốn trại về móc nối với bọn tàn quân chống lại cách mạng. Biểu hiện bằng hành động cụ thể: ngày 5/3/1976 lừa gạt vệ binh xin phép đi tiểu để trốn trại và y đã bị nhân dân và chính quyền địa phương bắt giữ.

Hành vi của Bé là hành vi rất nguy hiểm cho xã hội, cần phải nghiêm trị, vì vậy y phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của y đã gây ra, với tình tiết tăng nặng âm mưu rủ người khác cùng vượt trại, gây rối trật tự trong khu vực trại và ngoài xã hội.”

Hai mắt Bé đang đăm chiêu nhìn vào hư không, vào giấc mơ thuở xa xưa mới cưới nhau, vào vợ con anh, mộng ước của anh đã bị bọn CS phá tan, hạnh phúc của anh cũng đã bị chúng chôn vùi. Thọ và sáu đứa con nhỏ đại đang đứng bên anh.

“Thọ ơi, ngoài xã hội có Thọ, có sáu đứa con nhỏ đại của chúng ta, có đồng bào ruột thịt đang đói khổ và đang bị bọn CS ru ngủ và lừa bịp, làm sao anh gây rối phá hoại, phải

không Thọ. Con chúng ta sẽ nối tiếp trách nhiệm chưa hoàn thành của chúng ta.

Thấy hai mắt Bé như đang mộng mơ, không quan tâm gì đến bản án, tên Thuyết bèn gằn từng tiếng

“Anh kia, Trần Văn Bé”

rồi hấn nuốt cơn tức giận và đọc tiếp:

“Căn cứ vào kết luận trên:

Để bảo vệ chính quyền cách mạng, an ninh quốc phòng, trật tự an ninh xã hội.

Đề cao kỷ luật nội quy, quy định trong trại cải tạo và pháp luật của nhà nước

Căn cứ vào nguyên tắc trừng trị phạm tội phản cách mạng, trừng trị những tên ngoan cố, chống đối cách mạng, thù hằn giai cấp sâu sắc, trốn trại gây mất trật tự và an ninh xã hội.”

Bé quay qua lại như đang tìm kiếm:

“Thọ, em đó hả?”

“Vâng, Em đây, mẹ con em lúc nào cũng ở bên anh”

Trước mắt Bé là Thọ, hai tay dắt con, mỗi bên ba đứa. Những đứa con của Bé meo máo kể lễ:

“Ba ơi! con nhớ ba lắm, ba nhớ về với chúng con nghe ba. Mẹ nghe phường xã nói phải đi vùng kinh tế mới thì họ sẽ thả ba về, nên mẹ đã phải dẫn chúng con đi. Mẹ cuốc đất, đào mương quần quật suốt ngày, chúng con trông sẵn, nhỏ cỏ mà không có cơm ăn ba ơi. Đêm nào mẹ cũng khóc vì thương nhớ ba, hai mắt mẹ đau nhức, chúng con sợ mẹ mù mắt ba ơi”

Chúng nó lừa dối đàn bà con nít, phỉnh gạt vợ con anh, cướp hết tương lai của các con anh. Mắt anh đã cay. Giọt nước mắt quanh tròn:

“Vợ con ta, gia đình ta, đồng bào ruột thịt của ta đâu có

tội tình gì mà phải bị dày dọá dói rách, Đất nước ta, Tổ Quốc ta đã bị kẻ thù chiếm đoạt. Chúng còn già mồm căn cứ vào điều này, điều nọ để buộc tôi ta.”

Bản án được đọc tiếp:

“Căn cứ Điều 2 Chương I và vận dụng tương tự Điểm 3 Chương II luật số 03/SL ngày 15/3/76 của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam và căn cứ vào đường lối chính sách, pháp luật hiện hành của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.”

Bé vẫn tiếp tục nhìn vợ, nhìn sáu người con nhỏ dại, rồi nói với Thọ:

“Không! không! ta không có tội, Tội của ta là không bảo vệ được vợ con ta, không bảo vệ được đồng bào ruột thịt và quê hương của ta. Tội của ta là không bảo vệ được Miền Nam Tự Do.”

Tên thẩm phán đứng dậy, nhìn quanh một vòng xuống đám đông đang hồi hộp chờ đợi, rồi hấn nhìn thẳng vào Bé với cái nhìn đắc thẳng, đầy tự hào, vừa cảm phẩm, vừa hận thù và hấn lấy hết hơi sức tuyên bố thật to cho Bé và mọi người cùng nghe:

“Tòa án quân sự Quân Khu 7 Quyết Định xử phạt:

Trần Văn Bé . . . “

Một giây im lặng, nặng nề bao trùm toàn hội trường.

Tên thẩm phán kết thúc bản án:

“Tử . . . hình”

Nhưng Bé vẫn đang suy nghĩ miên man, ***“tội của ta là . . . không bảo vệ được . . .”*** bất thần từ trong tiềm thức của Bé chuyển thẳng vào cánh tay anh vung lên cao, chuyển vào môi, vào lưỡi, rồi thoát ra khỏi miệng anh:

“Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm!”

Tên chánh án mặt thẹo Nguyễn Văn Bản giật bắn người, đứng phắc dậy, khoát tay cho bọn vệ binh và ra lệnh:

“Án thi hành ngay”

Đồng hồ chỉ 10 giờ 10 phút.

Toán vệ binh vội chạy lại, tổng miếng giẻ vào miệng Bé, lấy khăn bịt mắt, lưới lê và báng súng thọc vào hông, vào lưng của Bé. Chúng còng tay anh lại. Chúng lôi Bé đến cột sắt đã cắm sẵn, trước một ụ đất cao đã được đắp lên từ mấy ngày trước. Chúng lấy giầy thừng quấn chặt từ cổ, vòng qua ngực, xuống chân và trói chặt vào cột sắt.

10 giờ 28 phút

Bọn vệ binh đồng loạt chĩa mũi súng AK thẳng vào Bé, bắn như điên, như khùng, như những con vật say mê mùi máu. Chúng trút lên thân xác Bé những thù hận, những căm phẫn của cuộc chiến tranh ý thức hệ, của bạo lực, của phi nhân, của dã man rừng rú, của tham vọng và khát máu.

Ngày thứ 300 tù cải tạo

***10 giờ 30 phút ngày thứ bảy mồng 10 tháng 4 năm 1976
(tức ngày 11 tháng 3 năm Bính Thìn)***

Bé gục đầu, trút hơi thở cuối cùng

Một luồng cuồng phong từ trời cao cuộn cuộn chụp xuống con người Bé, ôm chặt lấy linh hồn của anh vừa rời khỏi thân xác, cuộn bay lên cao rồi tỏa rộng. Mây đen kéo mịt mù, gió bụi tung bay, bao phủ các giáo đường chung quanh đó, trùm kín lên tất cả năm khu trại. Những giọt nước từ trời cao rơi xuống, cuốn theo dòng máu đỏ thấm vào lòng đất Mẹ và thấm lên vai của những người bạn tù vừa quay gót rời khỏi khu vực “*Tòa Án Quân Sự Quân Khu 7*”.

Nhà cửa chuyển rung, mái tôn bị cuốn bay, những cái lon treo lủng lẳng dưới mái nhà bị sức thổi kỳ quái từ mọi hướng, kêu leng keng thành một âm thanh quái đản, như rên như

xiết, như gào thét, như phẫn nộ.

Kinh thiên động địa.

Lòng người quặn đau.

Bọn vệ binh, tên thì ngơ ngác, tên thì dập dỏm như muốn chạy trốn. Tên trung tá chánh án Nguyễn Văn Bản, với cái thẹo chạy dài trên má hằn sâu xuống lớp da tái nhợt, tròn xoe đôi mắt. Bọn thẩm phán thượng úy Nguyễn từ Mùi, Hà Minh Thuyết, tên Đại úy Lê Văn Giác, tên trung úy Nguyễn Văn Thành, tên nào tên nấy hoang mang như bị hớp hồn.

Sáu ngàn tù cải tạo, ngẩng mặt nhìn lên trời, mây đen gió cuốn, cùng nhau tiễn đưa một linh hồn đã bị lũ quỷ dữ cướp đi khỏi thân xác, cưỡng lại cái vận số trường thọ đã được an bài; đồng thời đã chứng kiến một hiện tượng lạ lùng xảy ra.

Trời Xanh nổi cơn thịnh nộ- Giông tố sấm sét vang rền

Linh Mục Minh chấp tay làm dấu Thánh Giá nguyện cầu Thiên Chúa đưa linh hồn anh Trần Văn Bé về Cõi Vĩnh Phúc Đời Đời.

Mọi người cúi đầu lặng thinh.

Bé ơi! Vĩnh biệt! Người Anh Hùng bất diệt của chúng tôi

10 giờ 35 phút

Bầu trời trở lại trong xanh, gió mát hiền hòa.

Bé ra đi, nhưng tinh thần **Anh Dũng Bất Khuất** của anh vẫn sống mãi bên cạnh chúng ta và mãi mãi trong lòng mọi người.

Seattle, ngày 5 tháng 3 năm 2002

Từ Cao Nguyên